

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓn	ℓs	Ds	K	ℓk

JIS

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

④

Hand Taps

⑤

Cemented Carbide Taps

⑥

Roll Taps

⑦

Special Thread Taps
(Simple Inspection Tools)

⑧

Pipe Taps

⑨

Thread Mills

⑩

Dies

⑪

Center Drills
Centering Tools

JIS

③-55

S

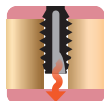
SU+PO SU-PO

Mũi Taro Thẳng Dành Cho Inox (Spiral Pointed Taps for Stainless Steels)

Thông Số Kỹ Thuật

HSS

OX
Oxide



• Tên và size sản phẩm.

SU+PO	~ M2.6
SU-PO	M3~, Tất cả U, W

Tốc độ cắt theo vật liệu phôi gia công

Thép Carbon Thấp
(Low carbon steels)
低炭素鋼
~10
(m/min)

Thép Carbon Trung Bình
(Medium carbon steels)
中炭素鋼
~10
(m/min)

Thép Carbon Cao
(High carbon steels)
高炭素鋼
~10
(m/min)

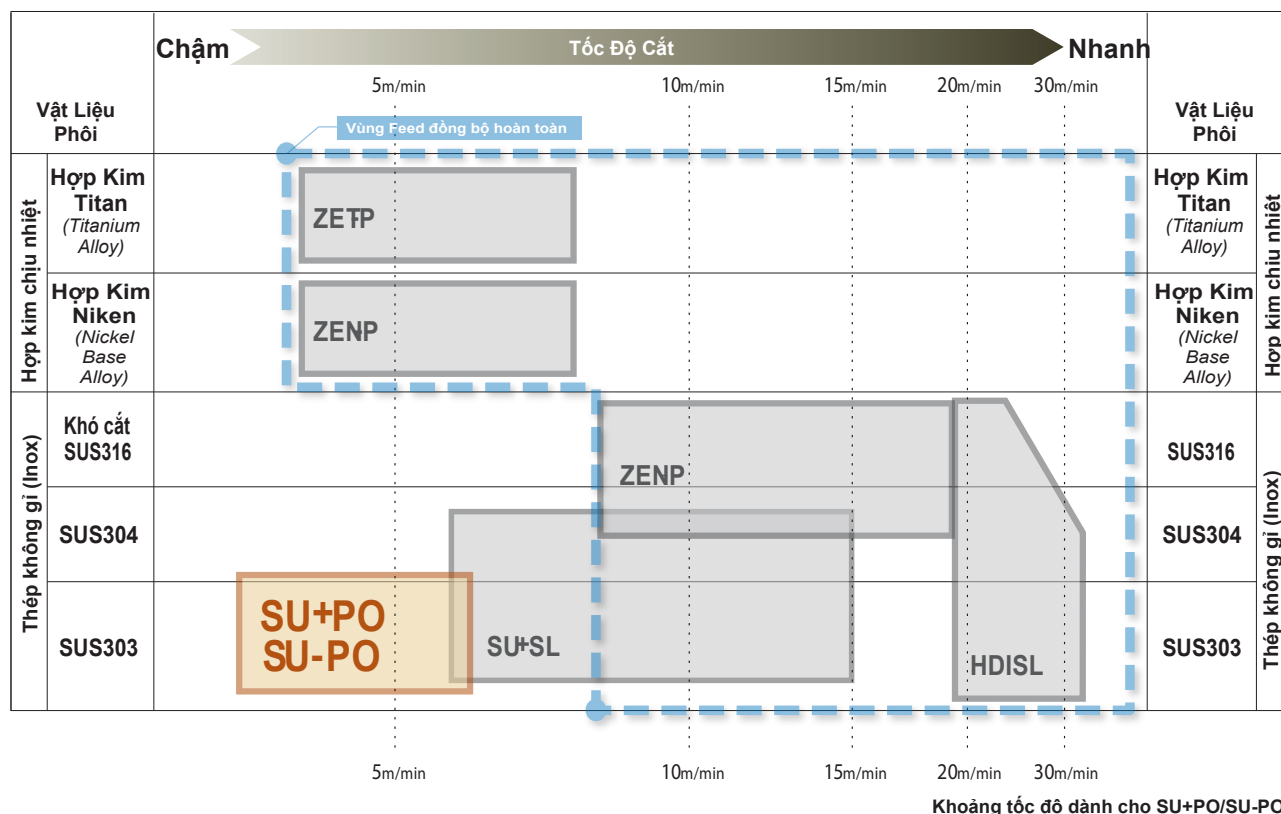
Thép Hợp Kim
(Alloy steels)
合金鋼
~10
(m/min)

Inox
(Stainless steels)
ステンレス鋼
~10
(m/min)

Đặc Điểm Sản Phẩm

- SU+PO/SU-PO là mũi taro thẳng dùng để taro lỗ thông, thiết kế chuyên dụng để taro Inox. Thông số hình dạng hình cũng phù hợp để taro thép crôm, thép molybdenum.
- Để tránh lẹo dao thường gặp trong taro Inox, bề mặt mũi taro được Oxy hóa/OX.

Biểu đồ so sánh



Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓ_n	ℓ_s	Ds	K	ℓ_k

3

JIS

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

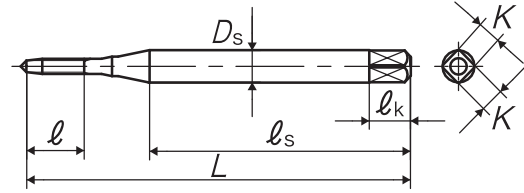
Center Drills
Centering Tools

⑪

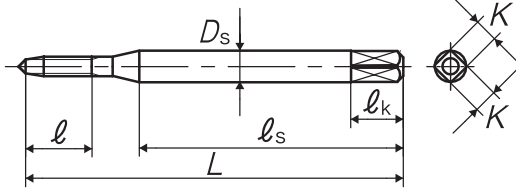
JIS

③-56

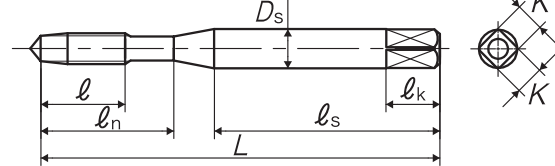
TYPE : 1



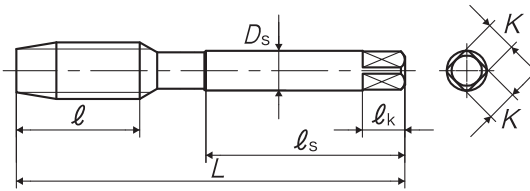
TYPE : 2



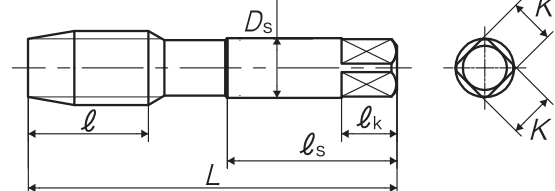
TYPE : 3



TYPE : 4



TYPE : 5



SU-PO Mũi Taro Thẳng Dành Cho Inox

Dung sai lớn (Oversize)

Segment : 1E

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	ℓ_n (mm)	ℓ_s (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓ_k (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Hệ Mét													
M1.4× 0.3	P1	PUPP1.4C	5P	36	5.4	-	24	3	2.5	5	2	1	¥ 3,250
M1.6× 0.35	P2	PUPQ1.6D	5P	36	6.3	-	24	3	2.5	5	2	2	¥ 3,100
M1.7× 0.35	P2	PUPQ1.7D	5P	36	6.3	-	24	3	2.5	5	2	2	¥ 3,100
M2× 0.4	P2	PUPQ2.0E	5P	42	7.2	12	27	3	2.5	5	2	3	¥ 2,480
M2× 0.4	P3	PUPR2.0E	5P	42	7.2	12	27	3	2.5	5	2	3	¥ 2,480
M2.3× 0.4	P2	PUPQ2.3E	5P	42	7.2	12	27	3	2.5	5	2	3	¥ 2,260
M2.3× 0.4	P3	PUPR2.3E	5P	42	7.2	12	27	3	2.5	5	2	3	¥ 2,260
M2.5× 0.45	P2	PUPQ2.5F	5P	46	8.1	14	29	3	2.5	5	2	3	¥ 1,900
M2.5× 0.45	P3	PUPR2.5F	5P	46	8.1	14	29	3	2.5	5	2	3	¥ 1,900
M2.6× 0.45	P2	PUPQ2.6F	5P	46	8.1	14	29	3	2.5	5	2	3	¥ 1,900
M2.6× 0.45	P3	PUPR2.6F	5P	46	8.1	14	29	3	2.5	5	2	3	¥ 1,900

SU-PO Mũi Taro Thẳng Dành Cho Inox

Dung sai lớn (Oversize)

Segment : 1E

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	(mm)	(mm)	Ds (mm)	K (mm)	(mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
Dành Cho Ren Hệ Mét													
M3× 0.5	P2	PUMQ3.0G	5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	3	¥ 1,330
M3× 0.5	P3	PUMR3.0G	5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	3	¥ 1,330
M3× 0.5	P4	PUMS3.0G	5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	3	¥ 1,330
3M0.6	P2	PUMQ3.0H	5P	46	9	14	26	4	3.2	6	3	3	¥ 1,330
M3.5× 0.6	P2	PUMQ3.5H	5P	52	11	16	29	5	4	7	3	3	¥ 1,330
M4× 0.7	P2	PUMQ4.0I	5P	52	11	17	29	5	4	7	3	3	¥ 1,330
M4× 0.7	P3	PUMR4.0I	5P	52	11	17	29	5	4	7	3	3	¥ 1,330
M4× 0.7	P4	PUMS4.0I	5P	52	11	17	29	5	4	7	3	3	¥ 1,330

= Các mã được phân phối đặc biệt. Làm theo đơn đặt hàng.
Để cải thiện, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Think threads with
YAMAWA

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓn	ℓs	Ds	K	ℓk

SU-PO Mũi Taro Thẳng Dành Cho Inox

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	ℓn (mm)	ℓs (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
4M0.75	P2	PUMQ4.0J	5P	52	11	17	29	5	4	7	3	3	¥ 1,330
M5 × 0.8	P2	PUMQ5.0K	5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,340
M5 × 0.8	P3	PUMR5.0K	5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,340
M5 × 0.8	P4	PUMS5.0K	5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,340
5M0.9	P2	PUMQ5.0L	5P	60	13	22	33	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,340
M6 × 1	P2	PUMQ6.0M	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,480
M6 × 1	P3	PUMR6.0M	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,480
M6 × 1	P4	PUMS6.0M	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,480
M6 × 0.75	P2	PUMQ6.0J	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 2,070
M7 × 1	P2	PUMQ7.0M	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 1,800
M8 × 1.25	P3	PUMR8.0N	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,060
M8 × 1.25	P4	PUMS8.0N	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,060
M8 × 1.25	P5	PUMT8.0N	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,060
M8 × 1	P3	PUMR8.0M	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,340
M10 × 1.5	P3	PUMR010O	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 2,630
M10 × 1.5	P4	PUMS010O	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 2,630
M10 × 1.5	P5	PUMT010O	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 2,630
M10 × 1.25	P3	PUMR010N	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 2,630
M10 × 1.25	P4	PUMS010N	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 2,630
M10 × 1	P3	PUMR010M	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 3,120
M12 × 1.75	P4	PUMS012P	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1.75	P5	PUMT012P	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1.5	P3	PUMR012O	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1.5	P5	PUMT012O	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1.25	P4	PUMS012N	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1.25	P5	PUMT012N	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 3,720
M12 × 1	P3	PUMR012M	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 4,370
M14 × 2	P4	PUMS014Q	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 5,080
M14 × 2	P5	PUMT014Q	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 5,080
M14 × 1.5	P3	PUMR014O	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 5,080
M14 × 1.5	P5	PUMT014O	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 5,080
M14 × 1	P3	PUMR014M	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 5,890
M15 × 1.5	P3	PUMR015O	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M15 × 1	P3	PUMR015M	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 8,080
M16 × 2	P4	PUMS016Q	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M16 × 2	P5	PUMT016Q	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M16 × 2	P6	PUMU016Q	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M16 × 1.5	P3	PUMR016O	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M16 × 1.5	P5	PUMT016O	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
M16 × 1	P3	PUMR016M	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 8,080
M18 × 2.5	P4	PUMS018R	5P	100	33	-	51	14	11	14	3	4	¥ 9,060
M18 × 2.5	P5	PUMT018R	5P	100	33	-	51	14	11	14	3	4	¥ 9,060
M18 × 2.5	P6	PUMU018R	5P	100	33	-	51	14	11	14	3	4	¥ 9,060
M18 × 1.5	P4	PUMS018O	5P	100	33	-	51	14	11	14	3	4	¥ 9,060
M18 × 1.5	P5	PUMT018O	5P	100	33	-	51	14	11	14	3	4	¥ 9,060
M20 × 2.5	P4	PUMS020R	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400
M20 × 2.5	P5	PUMT020R	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400
M20 × 2.5	P6	PUMU020R	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400
M20 × 1.5	P4	PUMS020O	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400
M20 × 1.5	P5	PUMT020O	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400

Overall length	Thread length	Thread + Neck length	Shank length	Shank dia.	Size of square	Length of square
L	ℓ	ℓn	ℓs	Ds	K	ℓk

SU-PO Mũi Taro Thẳng Dành Cho Inox

Size	Class	Code	Chamfer	L (mm)	ℓ (mm)	ℓn (mm)	ℓs (mm)	Ds (mm)	K (mm)	ℓk (mm)	No. of flutes	TYPE	MSRP
M22× 2.5	P4	PUMS022R	5P	115	33	-	55	17	13	16	3	5	¥ 15,800
M22× 2.5	P5	PUMT022R	5P	115	33	-	55	17	13	16	3	5	¥ 15,800
M22× 2.5	P6	PUMU022R	5P	115	33	-	55	17	13	16	3	5	¥ 15,800
M22× 1.5	P4	PUMS022O	5P	115	33	-	55	17	13	16	3	5	¥ 15,800
M22× 1.5	P5	PUMT022O	5P	115	33	-	55	17	13	16	3	5	¥ 15,800
M24× 3	P4	PUMS024S	5P	120	39	-	55	19	15	18	3	5	¥ 19,700
M24× 3	P5	PUMT024S	5P	120	39	-	55	19	15	18	3	5	¥ 19,700
M24× 3	P6	PUMU024S	5P	120	39	-	55	19	15	18	3	5	¥ 19,700
M24× 1.5	P4	PUMS024O	5P	120	39	-	55	19	15	18	3	5	¥ 19,700
M27× 3	P4	PUMS027S	5P	130	39	-	60	20	15	18	4	5	¥ 27,900
M27× 1.5	P4	PUMS027O	5P	130	39	-	60	20	15	18	4	5	¥ 27,900
M30× 3.5	P5	PUMT030T	5P	135	46	-	62	23	17	20	4	5	¥ 35,600
M30× 1.5	P4	PUMS030O	5P	135	46	-	62	23	17	20	4	5	¥ 35,600
M33× 3.5	P5	PUMT033T	5P	145	46	-	67	25	19	22	4	5	¥ 41,400
M36× 4	P5	PUMT036U	5P	155	52	-	71	28	21	24	4	5	¥ 48,000
M39× 4	P5	PUMT039U	5P	165	52	-	76	30	23	26	4	5	¥ 55,000
M42× 4.5	P5	PUMT042V	5P	175	59	-	81	32	26	30	4	5	¥ 66,900
Dành Cho Ren Thống Nhất (For Unified Threads)													
No.2-56UNC	P1	PUMPUN2E	5P	42	8.1	12	27	3	2.5	5	2	3	¥ 2,590
No.4-40UNC	P2	PUMQUN4H	5P	46	9	14	25	4	3.2	6	2	3	¥ 1,670
No.4-48UNF	P1	PUMPUN4F	5P	46	9	14	25	4	3.2	6	2	3	¥ 1,670
No.5-40UNC	P2	PUMQUN5H	5P	52	11	16	28	5	4	7	3	3	¥ 1,560
No.5-44UNF	P1	PUMPUN5G	5P	52	11	16	28	5	4	7	3	3	¥ 1,560
No.6-32UNC	P2	PUMQUN6J	5P	52	11	17	27	5	4	7	3	3	¥ 1,560
No.6-40UNF	P2	PUMQUN6H	5P	52	11	17	27	5	4	7	3	3	¥ 1,560
No.8-32UNC	P2	PUMQUN8J	5P	60	13	22	31	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,570
No.8-36UNF	P2	PUMQUN8I	5P	60	13	22	31	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,600
No.10-24UNC	P2	PUMQUNAM	5P	60	13	22	32	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,600
No.10-32UNF	P2	PUMQUNAJ	5P	60	13	22	32	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,600
1/4-20UNC	P2	PUMQU04N	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,700
1/4-28UNF	P2	PUMQU04K	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,700
5/16-18UNC	P3	PUMRU05O	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,370
5/16-24UNF	P2	PUMQU05M	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,370
3/8-16UNC	P3	PUMRU06P	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 3,040
3/8-24UNF	P2	PUMQU06M	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 3,040
7/16-14UNC	P3	PUMRU07Q	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 4,280
7/16-20UNF	P3	PUMRU07N	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 4,280
1/2-13UNC	P3	PUMRU08R	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 4,550
1/2-20UNF	P3	PUMRU08N	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 4,550
9/16-18UNF	P3	PUMRU09O	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
5/8-11UNC	P3	PUMRU10U	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
Dành Cho Ren Hệ Anh (For Whitworth Threads)													
3/16W24	P2	PUMQW03M	5P	60	13	21	32	5.5	4.5	7	3	3	¥ 1,570
1/4W20	P3	PUMRW04N	5P	62	15	26	33	6	4.5	7	3	3	¥ 1,680
5/16W18	P3	PUMRW05O	5P	70	19	-	36	6.2	5	8	3	4	¥ 2,370
3/8W16	P3	PUMRW06P	5P	75	23	-	38	7	5.5	8	3	4	¥ 3,040
7/16W14	P3	PUMRW07Q	5P	82	26	-	42	8.5	6.5	9	3	4	¥ 4,280
1/2W12	P3	PUMRW08S	5P	88	26	-	45	10.5	8	11	3	4	¥ 4,550
5/8W11	P3	PUMRW10U	5P	95	26	-	48	12.5	10	13	3	4	¥ 6,780
3/4W10	P4	PUMSW12V	5P	105	33	-	50	15	12	15	3	5	¥ 12,400
1 W8	P4	PUMSW16X	5P	125	39	-	58	19	15	18	3	5	¥ 25,900

= Các mã được phân phối đặc biệt. Làm theo đơn đặt hàng.
Để cải thiện, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Think threads with
YAMAWA

3

JIS

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

①

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

②

Spiral Fluted Taps
(for through hole)

③

Hand Taps

④

Cemented
Carbide Taps

⑤

Roll Taps

⑥

Special Thread Taps
Simple Inspection Tools

⑦

Pipe Taps

⑧

Thread Mills

⑨

Dies

⑩

Center Drills
Centering Tools

⑪

JIS

③-58